TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2025/KDTM-ST
Ngày 16 - 07 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2021, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T**

Địa chỉ: Đường N, Khu công nghiệp Đ, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Kim Sung K** - giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1983

Địa chỉ: A, Nguyễn Văn T, phường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh)

2. *Bị đơn*: **Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S)**

Địa chỉ: C, đường B, khu phố D, phường C, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Văn T** – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Huỳnh Ngọc C,** sinh năm 2000

Địa chỉ: C, đường B, khu phố D, phường C, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh).

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:**

Ngày 28/12/2019, Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty

cổ phần dịch vụ bảo vệ S) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ theo đó Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T tại địa chỉ: Đường N, Khu công nghiệp Đ, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 04/01/2020, kẻ trộm đã đột nhập vào Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phá két sắt là lấy đi số tiền là 15.000 USD và 7.000.000 Won (quy đổi sang tiền Việt Nam là khoảng 462.000.000 VND). Việc Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) để cho kẻ trộm đột nhập và lấy đi số tiền nêu trên của Công ty là vi phạm hợp đồng dịch vụ bảo vệ đã ký kết và gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

1. Về khu vực bảo vệ

- Căn cứ theo điều 1 Hợp đồng dịch vụ bảo vệ thì Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) có trách nhiệm: Đảm bảo an ninh an toàn nhà máy của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (sau đây gọi tắt là Công ty T) tại địa chỉ: Đường N, Khu công nghiệp Đ, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh). Két sắt bị kẻ gian phá và lấy trộm tài sản được để trong khu vực làm việc Công ty T tại địa chỉ: Đường N, Khu công nghiệp Đ, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy vị trí két sắt bị kẻ gian phá và lấy trộm tài sản nằm trong phạm vi bảo vệ mà Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) có trách nhiệm bảo vệ.

2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại

- Căn cứ theo khoản 6.1 điều 6 hợp đồng dịch vụ bảo vệ: "Đối với những tổn thất, mất mát, hư hỏng tài sản của bên B trong phạm vi khu vực bảo vệ mà nguyên nhân trực tiếp là do hành vi đột nhập tư bên ngoài vào thì bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên B tương đương với giá trị còn lại của tài sản bị thiệt hại sau khi trừ khấu hao sử dụng". Công ty T đã bị kẻ gian đột nhập từ bên ngoài phá két sắt và lấy trộm tài sản chính vì vậy Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty T.

3. Điều kiện xác lập trách nhiệm bồi thường

- Căn cứ theo mục 2 khoản 6.5 điều 6 Hợp đồng dịch vụ bảo vệ: "Những thiệt hại, mất mát và tổn thất đó đã được ghi rõ trong biên bản điều tra do hai bên cùng nhau lập và chấp nhận hoặc những thiệt hại, mất mát và tổn thất đó đã được ghi trong biên bản điều tra do cơ quan điều tra thuộc ngành công an Việt Nam từ cấp quận, huyện trở lên xác lập".

Sau khi biết vụ việc mất cắp xảy ra, Công ty đã ngay lập tức báo cáo với Công an huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được công an huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác minh thông tin, lấy lời khai và những thiệt hại, mất mát đã được ghi trong biên bản của cơ quan điều tra. Bởi các lẽ trên việc

Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) cho rằng mình được miễn trừ trách nhiệm cũng như cho rằng mình không thể biết được có bị mất tài sản như chúng tôi trình báo là không có cơ sở

Nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn T yêu cầu Tòa án: Buộc Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) phải bồi thường cho Công ty số tiền đã bị kẻ trộm lấy mất là: 15.000 USD và 7.000.000 Won (quy đổi sang tiền Việt Nam là khoảng 462.000.000 VNĐ).

***Theo bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Ngọc C trình bày:**

Vào khoảng 07 giờ 40 phút ngày 04 tháng 01 năm 2020, bà Ngô Thị H, Chuyên viên nhân sự của Công ty TNHH T, khi đến văn phòng đã phát hiện két sắt trong phòng bị đục khoét. Sau khi trình báo với Công an xã, cơ quan chức năng xác định số tiền gần 500.000.000 đồng của Công ty trong ngăn dưới của két sắt vẫn còn nguyên. Tuy nhiên, ông Shin D, Giám đốc kinh doanh và Phát triển sản phẩm của Công ty, sau đó thông báo bị mất 15.000 USD và 7.000.000 Won. Theo lời khai của ông Shin D, ngày 28 tháng 12 năm 2019, ông đã giao cho bà N, nhân viên phòng Kế toán cất một cái túi màu đen vào két sắt. Tại thời điểm đó, ông Shin D không thông báo cho bà N biết về nội dung tài sản trong túi. Trong các ngày 03 và ngày 04 tháng 01 năm 2020 ông Shin D không có mặt tại Công ty. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 3 năm 2023, ông Shin D thừa nhận tài sản mất là tài sản cá nhân ông, được gửi trong két sắt của Công ty. Ông Shin D xác nhận khi giao túi cho bà N, ông không thông báo về nội dung tài sản trong túi, và bà N cũng không biết trong túi chứa tài sản gì cũng như thuộc sở hữu của ai tại thời điểm cất giữ.

Theo quy định tại Điều 6.5 của Hợp đồng số 1101/2020, Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S - Công ty TNHH T, để được xem xét bồi thường thiệt hại, Công ty TNHH T có trách nhiệm cung cấp cho Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S các tài liệu gốc liên quan nhằm xác định phạm vi và mức độ thiệt hại về tài sản, hàng hóa, kèm theo có biên bản bàn giao (số lượng, chủng loại, trị giá, ...).

Cơ quan Điều tra huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tiến hành lấy lời khai và yêu cầu ông Shin D cung cấp bằng chứng về số tiền của ông bị mất. Tuy nhiên, ông Shin D không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ cho cơ quan điều tra.

Theo Điều 1 Hợp đồng số 1101/2020 S - T, Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Công ty TNHH T tại địa chỉ:Đường N, Khu công nghiệp Đ, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh), với các vị trí và nhiệm vụ cụ thể như sau:

Vị trí A1 (Cổng chính): Đảm bảo an ninh, an toàn quanh khu vực: Đăng ký khách và nhà thầu ra vào.

Vị trí A2 (Tuần tra): Tuần tra, giám sát cán bộ, nhân viên nhà máy và nhà thầu thực hiện đúng nội quy Công ty; Đảm bảo an ninh, an toàn nhà máy.

Két sắt được đặt trong khu vực Văn phòng của Công ty TNHH T, không thuộc phạm vi khu được bảo vệ được phép ra - vào tự do tuần tra. Do đó, nhân viên bảo vệ không có thông tin về việc có hay không tài sản bị mất như trình bày của ông Shin.

Theo Điều 6.7 Hợp đồng số 1101/2020 S - T, Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) (Bên A) được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp xảy ra thiệt hại liên quan đến các tài sản là tư trang, tiền bạc, kim loại quý, máy tính xách tay, máy ảnh, điện thoại di động... được phép mang ra khỏi các khu vực mà theo quy định của Công ty T (Bên B), nhân viên bảo vệ không được phép tiến hành kiểm tra tư trang để phòng ngừa hoặc ngăn chặn hành vi trộm cắp.

Tuân theo nguyên tắc tự do thỏa thuận trong pháp luật dân sự Việt Nam tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật dân sự 2015: "Cá nhân, pháp nhân xác lập, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng". Các Bên có quyền thỏa thuận miễn trừ trách nhiệm trong phạm vi pháp luật cho phép.

Sau khi xảy ra sự việc mất trộm, Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S trong khả năng và trách nhiệm của mình đã phối hợp cùng với Công ty TNHH T và Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Đất Đỏ nhằm giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, tài sản riêng của ông Shin không thuộc phạm vi trách nhiệm của Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S phải thực hiện bảo vệ theo Hợp đồng số 1101/2020 Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S - Công ty TNHH T.

Dựa trên các căn cứ nêu trên, Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH T. Đồng thời Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S đề nghị Công ty TNHH T thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng số 1101/2020 Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S - Công ty TNHH T.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 360, 585 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T không có cơ sở nên không chấp nhận.

+ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết**:

Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty T số tiền 15.000 USD và 7.000.000 Won (tương đương số tiền 462.000.000 đồng) phát sinh từ trách nhiệm của hợp đồng dịch vụ bảo vệ mà hai bên giao kết trước đó, do đó xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*.

Bị đơn Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) thời điểm giao kết hợp đồng dịch vụ và thời điểm nguyên đơn khởi kiện có địa chỉ tại phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai) nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai) .

[2] **Về xác định tư cách tố tụng**: Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết. Do đó Tòa án xác định Công ty TNHH T là nguyên đơn, Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung**: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T yêu cầu Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) có nghĩa vụ bồi thường số tiền 15.000 USD và 7.000.000 Won (tương đương số tiền 462.000.000 đồng) theo trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà hai bên đã giao kết tại Hợp đồng dịch bảo vệ trước đó:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 1101/2020 Công ty TNHH T và Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) ký ngày 26/12/2019 giữa Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) và Công ty TNHH T. Theo đó, Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Công ty TNHH T bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 31/12/2020. Địa điểm cung cấp dịch vụ địa chỉ: Đường N, Khu công nghiệp Đ, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh) theo mô tả: Số hiệu A1: Cổng chính: Đảm bảo an ninh an toàn quanh khu vực; Đăng ký khách, nhà thầu. Số hiệu A2: Tuần tra, giám sát cán bộ nhân viên nhà máy, nhà thầu thực hiện đúng nội quy công ty; Đảm bảo an ninh, an toàn nhà máy.

Như vậy, theo nội dung của hợp đồng dịch vụ bảo vệ thì Công ty Cổ phần

dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) có trách nhiệm cung cấp dịch vụ tuần tra, bảo vệ an ninh, an toàn cho Công ty TNHH T.

Theo hồ sơ thu thập tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ: Ngày 04/01/2020, Công an huyện Đất Đỏ tiếp nhận thông tin vào sáng 04/01/2020 tại Công ty TNHH T xảy ra vụ kẻ gian đột nhập tầng 2 của công ty, phá két sắt thực hiện hành vi trộm cắp. Tài sản bị mất là 15.000 USD và 7.000.000 Won Hàn Quốc (Tương đương số tiền 462.000.000 đồng) là tài sản riêng của ông Shin D, sinh năm 1980, quốc tịch Hàn Quốc, chức vụ: giám đốc kinh doanh. Ngoài ra, số tiền 500.000.000 đồng của Công ty để ngăn dưới két sắt vẫn còn nguyên công ty không mất trộm tài sản gì khác. Ngày 27/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ đã khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản" nêu trên và tiến hành điều tra. Đến ngày 27/8/2020, do thời hạn điều tra đã hết nhưng chưa xác định được bị can, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định Tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Căn cứ biên bản lấy lời khai của Tổng giám đốc công ty ông Kim Sung K; người bị hại ông Shin D; bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt, các nhân viên bảo vệ mục tiêu của Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S): Tài sản bị mất trộm là của cá nhân ông Shin D, thời điểm ông Shin D đưa cho bà N - nhân viên kế toán 01 chiếc túi màu đen cất vào két sắt, ông Shin D không cho bà N biết tài sản của mình trong túi và bà N cũng không kiểm tra. Các nhân viên bảo vệ thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ công ty giao, không rời mục tiêu bảo vệ theo đúng quy định.

Đối chiếu quy định tại Điều 6.7 Hợp đồng dịch vụ bảo vệ giữa Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S) và Công ty TNHH T, thì công ty dịch vụ bảo vệ được miễn trừ trách nhiệm bồi thường đối với tình huống xảy ra thiệt hại do liên quan đến các tài sản là tư trang, tiền bạc, kim loại quý, máy tính xách tay, máy ảnh, điện thoại di động… được phép mang ra khỏi khu vực mà theo quy định của Công ty T, nhân viên bảo vệ không được phép kiểm tra tư trang để phòng ngừa hoặc ngăn chặn hành vi trộm cắp.

Từ các phân tích trên căn cứ Điều 360, 585 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty T không được chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định là 11.240.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền Công ty T đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000485 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai).

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 360, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 và 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" với* Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (tên hiện nay Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S).

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định là 11.240.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền Công ty T đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000485 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai). Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đã đóng xong.

3. Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 1 - Đồng Nai
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Hồng Ngọc